TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 23/2023/HNGĐ – ST
Ngày 16/02/2023.
V/v: Xin ly hôn và con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Ông Nguyễn Lập Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2022/QĐXX – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hứa Ngọc T – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 4, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Hứa Ngọc T trình bày:** Giữa tôi và bà Nguyễn Thị N có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ ngày 26/4/2000 trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, bản thân hai vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho tôi và bà N được ly hôn với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Hứa Ngọc H – sinh ngày 13/3/2000, cháu Hứa Thị Bảo T, sinh ngày 06/3/2008 và cháu Hứa Ngọc S sinh ngày 06/3/2008. Cháu H đã lập gia đình riêng nên tôi không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T và cháu S tôi đồng ý để bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Giữa tôi và ông Hứa Ngọc T có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk từ ngày 26/4/2000 trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến khoảng giữa năm 2022 hai vợ chồng có xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ngoại tình, không chung thủy nên dẫn đến tình trạng hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, do hiện nay tôi vẫn còn tình cảm với anh T nên tôi không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho hai vợ chồng hòa giải đề gia đình được đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Hứa Ngọc H – sinh ngày 13/3/2000, cháu Hứa Thị Bảo T, sinh ngày 06/3/2008 và cháu Hứa Ngọc S, sinh ngày 06/3/2008. Cháu H đã lập gia đình riêng nên tôi không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T và cháu S nếu trong trường hợp ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà N vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, đối với ông Hứa Ngọc T, trước khi xét xử có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma

Thuột xét xử vắng mặt đương sự.

[3].Về nội dung:

Giữa ông Hứa Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 26/4/2000 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Hứa Ngọc T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cũng đều xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T ngoại tình không chung T. Hai vợ chồng cũng đã ly thân từ giữa năm 2022 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa ông T và bà Nc có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án ông T và bà N đều có xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hứa Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau giữa ông Hứa Ngọc T và bà Nguyễn Thị N có 03 con chung là cháu Hứa Ngọc H – sinh ngày 13/3/2000, cháu Hứa Thị Bảo T - sinh ngày 06/3/2008 và cháu Hứa Ngọc S - sinh ngày 06/3/2008. Đối với cháu Hứa Ngọc H đã trên 18 tuổi và lập gia đình riêng nên không đề cập xem xét giải quyết. Đối với cháu Hứa Thị Bảo T và cháu Hứa Ngọc S quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý giao cả hai cháu cho bà Ng chăm sóc và nuôi dưỡng, đối với bà N nếu trong trường hợp ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu S đến tuổi trưởng thành. Từ khi ly thân cho đến nay cháu cháu T và cháu S đều do bà N là người trực triếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bản thân các cháu sau khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng muốn được ở với bà N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu Hứa Thị Bảo T - sinh ngày 06/3/2008 và cháu Hứa Ngọc S - sinh ngày 06/3/2008 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Đối với cháu Hứa Ngọc H đã trên 18 tuổi có gia đình và cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Hứa Ngọc T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Hứa Ngọc T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Hứa Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Hứa Ngọc T. Cho ông Hứa Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- *Về con chung:* Giao cháu Hứa Thị Bảo T, sinh ngày 06/3/2008 và cháu Hứa Ngọc S, sinh ngày 06/3/2008 cho bà Nguyễn Thị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Đối với cháu Hứa Ngọc H đã trên 18 tuổi có gia đình và cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Hứa Ngọc T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

Về án phí: Ông Hứa Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông Hứa Ngọc T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0021313 ngày 16/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-……;
- Lưu hồ sơ, TA.

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl